

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa bà Lê Thị Bích T
với ông Lưu Minh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Khải.

2. Ông Phạm Hồng Lưu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Minh H, sinh năm 1966. (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03 tháng 01 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Do quen biết và tự tìm hiểu nhau, bà và ông Lưu Minh H tự nguyện tiến tới hôn nhân đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn trễ hạn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, TP .. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung gồm Lưu Thị Mộng T1, sinh năm 1989 và Lưu Mộng N, sinh năm 1994, hai con chung đã trưởng thành. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Minh H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án ông H1 trình bày: Ông thống nhất với bà T về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản chung, về nghĩa vụ chung. Ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bích T thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông Lưu Minh H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Ông, bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết ông H vắng mặt nhưng có văn bản thống nhất về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn, về tài sản chung, nghĩa vụ chung nên Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T với ông H là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Vợ, chồng xác định có 02 con chung gồm Lưu Thị Mộng T1, sinh năm 1989 và Lưu Mộng N, sinh năm 1994, hai con chung đã trưởng thành.

[4] *Về tài sản chung:* Bà T và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ chung:* Bà T và ông H xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Bích T với ông Lưu Minh H.

2. *Về con chung*: Vợ, chồng xác định có 02 con chung gồm Lưu Thị Mộng T1, sinh năm 1989 và Lưu Mộng N, sinh năm 1994, hai con chung đã trưởng thành.

3. *Về tài sản chung*: Bà T và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Bà T và ông H xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009722 ngày 12 tháng 01 năm 2023 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh